



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.1 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Phạm Thị Kim Liên

GVBM: Đỗ Ngọc Thêm

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.1	Vũ Khánh An	16/04/2015	Nữ	
2	3.1	Bùi Lê Minh Anh	07/02/2015	Nữ	
3	3.1	Bùi Trương Văn Anh	24/06/2015	Nữ	
4	3.1	Lê Diệp Châu Anh	18/05/2015	Nữ	
5	3.1	Lê Hoàng Thục Anh	21/01/2015	Nữ	
6	3.1	Phạm Tuấn Anh	17/10/2015	Nam	
7	3.1	Nguyễn Đoàn An Bảo	06/08/2015	Nam	
8	3.1	Đặng Bảo Châu	02/06/2015	Nữ	
9	3.1	Đinh Ngọc Bảo Châu	16/02/2015	Nữ	
10	3.1	Nguyễn Hồng Mai Chi	06/10/2015	Nữ	
11	3.1	Nguyễn Lê Quỳnh Chi	20/08/2015	Nữ	
12	3.1	Phạm Linh Đan	28/10/2015	Nữ	
13	3.1	Nguyễn Minh Đăng	10/10/2015	Nam	
14	3.1	Nguyễn Thanh Đức	12/09/2015	Nam	
15	3.1	Trần Gia Hân	09/11/2015	Nữ	
16	3.1	Nguyễn Huỳnh Hillary	31/10/2015	Nữ	
17	3.1	Nguyễn Khải Huy	06/11/2015	Nam	
18	3.1	Phạm Bảo Hy	04/06/2015	Nam	
19	3.1	Nguyễn Bảo Khanh	29/01/2015	Nam	
20	3.1	Lê Trương Minh Khánh	02/01/2015	Nữ	
21	3.1	Trần Ngọc Mai	19/03/2015	Nữ	
22	3.1	Nguyễn Quang Minh	13/07/2015	Nam	
23	3.1	Trần Gia Minh	14/12/2015	Nam	
24	3.1	Phạm Nguyễn Hà My	13/02/2015	Nữ	
25	3.1	Trần Thái Linh Nga	08/03/2015	Nữ	
26	3.1	Hà Bảo Nghi	11/04/2015	Nữ	
27	3.1	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	15/04/2015	Nữ	
28	3.1	Lê Bảo Nguyên	20/07/2015	Nam	
29	3.1	Bùi An Nhiên	16/03/2015	Nữ	
30	3.1	Lê Vĩ Phong	24/01/2015	Nam	
31	3.1	Phạm Tấn Phúc	09/05/2015	Nam	
32	3.1	Lê Bảo Quyên	08/08/2015	Nữ	
33	3.1	Huỳnh Thế Vinh	14/06/2015	Nam	
34	3.1	Nguyễn Minh Hoàng Vũ	19/01/2015	Nam	
35	3.1	Huỳnh Ngọc Nhã Thy	08/11/2015	Nữ	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.2 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Tô Thị Hoàng Yến

GVBM: Phan Thị Thanh Thảo

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.2	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	16/05/2015	Nữ	
2	3.2	Nguyễn Thảo Anh	03/10/2015	Nữ	
3	3.2	Trương Vy Anh	09/05/2015	Nữ	
4	3.2	Trần Bảo Bảo	21/11/2015	Nam	
5	3.2	Nguyễn Thị Bảo Châu	15/03/2015	Nữ	
6	3.2	Phan Nguyễn Ngọc Châu	01/08/2015	Nữ	
7	3.2	Nguyễn Diệp Mai Chi	29/10/2015	Nữ	
8	3.2	Lê Băng Di	21/03/2015	Nữ	
9	3.2	Nguyễn Trường Minh Đức	16/09/2015	Nam	
10	3.2	Dương Gia Hân	25/10/2015	Nữ	
11	3.2	Trương Nguyễn Khánh Hân	21/08/2015	Nữ	
12	3.2	Bùi Thiện Khang	10/02/2015	Nam	
13	3.2	Ngô Thái Nhật Khang	07/08/2015	Nam	
14	3.2	Nguyễn Xuân Khánh	16/02/2015	Nữ	
15	3.2	Vũ Phạm An Khuê	28/03/2015	Nữ	
16	3.2	Đương Ngọc Bảo Lan	12/03/2015	Nữ	
17	3.2	Nguyễn Trà My	10/12/2015	Nữ	
18	3.2	Lâm Hồng Tấn Nam	06/06/2015	Nam	
19	3.2	Bùi Nguyễn Bảo Ngọc	17/10/2015	Nữ	
20	3.2	Hoàng Khánh Ngọc	14/12/2015	Nữ	
21	3.2	Huỳnh Vũ Lam Ngọc	23/05/2015	Nữ	
22	3.2	Nguyễn Lê Thảo Nhi	25/08/2015	Nữ	
23	3.2	Bùi Minh Phúc	20/12/2015	Nam	
24	3.2	Trần Minh Sang	28/08/2015	Nam	
25	3.2	Phạm Thái Sơn	30/03/2015	Nam	
26	3.2	Trần Đoàn Thanh Sơn	06/02/2015	Nam	
27	3.2	Trương Phúc Thành	07/05/2015	Nam	
28	3.2	Lý Bảo Thiên	07/08/2015	Nam	
29	3.2	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	29/03/2015	Nữ	
30	3.2	Vũ Thị Khánh Trang	11/07/2015	Nữ	
31	3.2	Võ Minh Trí	16/08/2015	Nam	
32	3.2	Trương Minh Tú	20/03/2015	Nữ	
33	3.2	Lê Quang Tuấn	16/07/2015	Nam	
34	3.2	Trần Thanh Nhã Uyên	16/10/2015	Nữ	
35	3.2	Nguyễn Phạm Minh Châu	03/08/2015	Nữ	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.3 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Nguyễn Thị Ngọc Diễm

GVBM: Võ Thanh Vân

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.3	Nguyễn Ngọc Bảo An	08/12/2015	Nữ	
2	3.3	Lê Nguyễn Bảo Anh	27/11/2015	Nữ	
3	3.3	Lê Quỳnh Anh	27/11/2015	Nữ	
4	3.3	Nguyễn Hồ Quang Anh	17/05/2015	Nam	
5	3.3	Nguyễn Quỳnh Anh	15/10/2015	Nữ	
6	3.3	Phan Hoàng Khôi Anh	20/02/2015	Nữ	
7	3.3	Hoàng Phương Diệp	22/12/2015	Nữ	
8	3.3	Huỳnh Khánh Đăng	22/03/2015	Nam	
9	3.3	Nguyễn Công Hữu Đức	11/03/2015	Nam	
10	3.3	Đoàn Lê Ngân Giang	21/02/2015	Nữ	
11	3.3	Lê Khả Hân	29/04/2015	Nữ	
12	3.3	Ngô Ngọc Hân	01/07/2015	Nữ	
13	3.3	Nguyễn Bảo Hân	14/01/2015	Nữ	
14	3.3	Bùi Huy Hùng	23/05/2015	Nam	
15	3.3	Phan Thị Huỳnh Hương	23/08/2015	Nữ	
16	3.3	Nguyễn Minh Khang	30/03/2015	Nam	
17	3.3	Châu Đức Khánh	18/11/2015	Nam	
18	3.3	Mai Trọng Khoa	22/08/2015	Nam	
19	3.3	Nguyễn Anh Khoa	21/05/2015	Nam	
20	3.3	Lê Anh Kiệt	18/05/2015	Nam	
21	3.3	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	30/11/2015	Nữ	
22	3.3	Dương Hoàng Minh Long	10/01/2015	Nam	
23	3.3	Khổng Anh Minh	27/04/2015	Nam	
24	3.3	Lê Cao Minh	10/12/2015	Nam	
25	3.3	Nguyễn Đức Anh Minh	23/11/2015	Nam	
26	3.3	Tạ Hoàng Kim Ngân	23/09/2015	Nữ	
27	3.3	Lê Bảo Nghi	02/02/2015	Nữ	
28	3.3	Huỳnh Dương Lan Ngọc	31/10/2015	Nữ	
29	3.3	Dương Bình Nguyên	03/08/2015	Nam	
30	3.3	Lê Trọng Nhân	27/04/2015	Nam	
31	3.3	Nguyễn Hữu Phát	17/02/2015	Nam	
32	3.3	Nguyễn Công Anh Phú	26/12/2015	Nam	
33	3.3	Hà Tấn Phúc	30/10/2015	Nam	
34	3.3	Lý Gia Phúc	03/07/2015	Nam	
35	3.3	Trần Phú Quốc	27/01/2015	Nam	
36	3.3	Nguyễn Đình Minh Sơn	19/04/2015	Nam	
37	3.3	Trần Cao Minh Tấn	11/08/2015	Nam	
38	3.3	Nguyễn Đức Anh Thắng	20/07/2015	Nam	
39	3.3	Nguyễn Nhật Thịnh	02/10/2015	Nam	
40	3.3	Nguyễn Ngọc Anh Thư	24/11/2015	Nữ	
41	3.3	Trần Huỳnh Anh Thư	22/12/2015	Nữ	
42	3.3	Nguyễn Thanh Thương	12/07/2015	Nữ	
43	3.3	Nguyễn Hồ Bảo Thy	24/07/2015	Nữ	
44	3.3	Tôn Nhã Thy	04/09/2015	Nữ	
45	3.3	Phạm Hoàng Anh Tú	31/05/2015	Nam	
46	3.3	Nguyễn Lưu Anh Tuấn	10/11/2015	Nam	
47	3.3	Hà Minh Uy	14/10/2015	Nam	
48	3.3	Nguyễn Phúc Như Uyên	23/11/2015	Nữ	
49	3.3	Trần Hoàn Mỹ Yên	22/08/2015	Nữ	
50	3.3	Trương Minh Khôi	10/06/2015	Nam	
51	3.3	Vân Hà Uyên Thư	09/08/2015	Nữ	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.4 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Nguyễn Vũ Lệ Hà
GVBH: Hồ Thị Thanh Trúc

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.4	Lê Kim Anh	12/08/2015	Nữ	
2	3.4	Nguyễn Đoàn Dương Anh	16/11/2015	Nam	
3	3.4	Nguyễn Kim Anh	10/09/2015	Nữ	
4	3.4	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	28/05/2015	Nữ	
5	3.4	Phạm Hải Anh	31/07/2015	Nam	
6	3.4	Phạm Ngọc Phương Anh	11/05/2015	Nữ	
7	3.4	Vũ Thảo Anh	11/03/2015	Nữ	
8	3.4	Trần Thủy Bảo Châu	14/10/2015	Nữ	
9	3.4	Nguyễn Tiến Cường	27/09/2014	Nam	
10	3.4	Nguyễn Bá Dương Danh	21/12/2015	Nam	
11	3.4	Ngô Ánh Dương	22/06/2015	Nữ	
12	3.4	Lê Hoàng Hải Đông	19/09/2015	Nam	
13	3.4	Lê Ngọc Hà	11/11/2015	Nữ	
14	3.4	Phùng Quốc Hào	21/12/2015	Nam	
15	3.4	Nguyễn Ngọc Gia Hân	31/08/2015	Nữ	
16	3.4	Nguyễn Đoàn Dương Hoàng	16/11/2015	Nam	
17	3.4	Trần Ngô Tấn Hoàng	14/04/2015	Nam	
18	3.4	Huỳnh Phúc Gia Khang	29/03/2015	Nam	
19	3.4	Nguyễn Vũ Khang	21/04/2015	Nam	
20	3.4	Trần Đình Khang	26/10/2015	Nam	
21	3.4	Trần Minh Khang	29/01/2015	Nam	
22	3.4	La Ngọc Minh Khuê	22/08/2015	Nữ	
23	3.4	Huỳnh Bảo Lâm	21/11/2015	Nam	
24	3.4	Phạm Phúc Lâm	14/09/2015	Nam	
25	3.4	Nguyễn Phúc Hoàng Linh	31/03/2015	Nữ	
26	3.4	Trương Nguyễn Phương Linh	29/12/2015	Nữ	
27	3.4	Trịnh Hải Nam	10/08/2015	Nam	
28	3.4	La Hữu Nghĩa	30/06/2015	Nam	
29	3.4	Nguyễn Như Ngọc	15/01/2015	Nữ	
30	3.4	Mai Thuyết Ngôn	04/09/2015	Nam	
31	3.4	Đặng Thảo Nguyên	15/04/2015	Nữ	
32	3.4	Nguyễn Ngọc Tâm Như	23/12/2015	Nữ	
33	3.4	Trương Thế Phong	26/05/2015	Nam	
34	3.4	Nguyễn Hoàng Phúc	11/12/2015	Nam	
35	3.4	Nguyễn Bùi Tú Quỳnh	01/07/2015	Nữ	
36	3.4	Nguyễn Tấn Sang	18/08/2015	Nam	
37	3.4	Hà Quang Thanh	04/08/2015	Nam	
38	3.4	Trương Hồ Thanh Thảo	02/03/2015	Nữ	
39	3.4	Nguyễn Phúc Thắng	09/12/2015	Nam	
40	3.4	Trần Diệp Uyên Thần	21/09/2015	Nữ	
41	3.4	Phan Minh Thiện	08/08/2015	Nam	
42	3.4	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	04/11/2015	Nữ	
43	3.4	Vũ Nguyễn Thanh Trang	07/09/2015	Nữ	
44	3.4	Dương Thị Bảo Trân	30/11/2015	Nữ	
45	3.4	Hoàng Lê Nhã Uyên	16/07/2015	Nữ	
46	3.4	Lê Mỹ Uyên	22/05/2015	Nữ	
47	3.4	Phạm Thiên Vân	05/12/2015	Nữ	
48	3.4	Ngô Tuệ Vy	02/10/2015	Nữ	
49	3.4	Võ Hoàng Khánh Vy	21/08/2015	Nữ	
50	3.4	Lê Nguyễn Như Ý	18/03/2015	Nữ	
51	3.4	Trần Lê Bối Nhi	03/09/2015	Nữ	
52	3.4	Tạ Nguyễn Tường Anh	03/12/2015	Nữ	
53	3.4	Võ Lê Bảo Châu	07/12/2015	Nữ	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.5 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Nguyễn Hoàng Oanh

GVBM: Lê Thị Mộng Trinh

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.5	Lưu Nghiêm Gia An	10/02/2015	Nam	
2	3.5	Nguyễn Lâm Anh	14/10/2015	Nữ	
3	3.5	Võ Minh Anh	11/08/2015	Nữ	
4	3.5	Lê Ngọc Ánh	22/04/2015	Nữ	
5	3.5	Phạm Trần Thiên Ân	12/01/2015	Nam	
6	3.5	Đào Nguyễn Ngọc Châm	29/04/2015	Nữ	
7	3.5	Doãn Minh Châu	13/02/2015	Nữ	
8	3.5	Vũ Chí Công	03/04/2015	Nam	
9	3.5	Nguyễn Tiến Dũng	06/10/2015	Nam	
10	3.5	Phạm Tấn Dũng	21/04/2015	Nam	
11	3.5	Huỳnh Lê Đức Duy	29/09/2015	Nam	
12	3.5	Lê Nguyễn Hải Đăng	12/11/2015	Nam	
13	3.5	Hồ Thị Ngọc Hân	29/06/2015	Nữ	
14	3.5	Hồ Danh Hiếu	18/10/2015	Nam	
15	3.5	Nguyễn Gia Hưng	24/09/2015	Nam	
16	3.5	Hồ Đăng Khoa	05/10/2015	Nam	
17	3.5	Lê Phạm Anh Khoa	26/04/2015	Nam	
18	3.5	Dương Tuấn Kiệt	20/06/2015	Nam	
19	3.5	Nguyễn Thị An Kiều	19/10/2015	Nữ	
20	3.5	Lê Đường Thiên Kim	25/11/2015	Nữ	
21	3.5	Phạm Minh Kỳ	04/08/2015	Nam	
22	3.5	Trần Phương Linh	06/01/2015	Nữ	
23	3.5	Bùi Nguyên Phúc Minh	26/08/2015	Nam	
24	3.5	Nguyễn Ngọc Hà My	12/01/2015	Nữ	
25	3.5	Nguyễn Hoài Nam	02/05/2015	Nam	
26	3.5	Mai Lê Bảo Ngân	23/12/2015	Nữ	
27	3.5	Nguyễn Hoàng Ngân	21/08/2015	Nữ	
28	3.5	Trần Bảo Nghi	21/01/2015	Nữ	
29	3.5	Nguyễn Hồng Tuyết Ngọc	30/04/2015	Nữ	
30	3.5	Nguyễn Khánh Ngọc	10/12/2015	Nữ	
31	3.5	Đào Kim Nguyên	11/11/2015	Nữ	
32	3.5	Đỗ Bích Nguyên	17/01/2015	Nữ	
33	3.5	Lê Thiện Nhân	24/04/2015	Nam	
34	3.5	Phạm Lê An Nhiên	10/12/2015	Nữ	
35	3.5	Trần Hưng Phát	14/10/2015	Nam	
36	3.5	Đinh Công Phúc	04/07/2015	Nam	
37	3.5	Nguyễn Hoàng Minh Quân	11/01/2015	Nam	
38	3.5	Lê Minh Sang	06/05/2015	Nam	
39	3.5	Phạm Anh Tài	17/06/2015	Nam	
40	3.5	Ngô Huỳnh Phương Thảo	29/01/2015	Nữ	
41	3.5	Lê Phước Thiện	28/08/2015	Nam	
42	3.5	Nguyễn Mai Phúc Thịnh	01/08/2015	Nam	
43	3.5	Nguyễn Ngọc Thịnh	07/02/2015	Nam	
44	3.5	Đoàn Võ Hương Thùy	11/09/2015	Nữ	
45	3.5	Nguyễn Minh Tiến	13/01/2015	Nam	
46	3.5	Hoàng Võ Ngọc Trân	12/02/2015	Nữ	
47	3.5	Vũ Phan Minh Tú	17/05/2015	Nam	
48	3.5	Nguyễn Thụy Nhã Uyên	09/12/2015	Nữ	
49	3.5	Vũ Hoàng Vy	15/03/2015	Nữ	
50	3.5	Phạm Đông Xu	08/07/2014	Nam	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.6 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Lê Thị Thu Anh

GVBH: Phan Thi Kim

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.6	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	27/09/2015	Nữ	
2	3.6	Nguyễn Thiên Ân	31/08/2015	Nam	
3	3.6	Nguyễn Gia Bảo	23/02/2015	Nam	
4	3.6	Nguyễn Ngọc Minh Châu	29/12/2015	Nữ	
5	3.6	Đỗ Công Danh	11/08/2015	Nam	
6	3.6	Nguyễn Cao Thùy Dung	27/08/2015	Nữ	
7	3.6	Dương Đức Duy	26/02/2015	Nam	
8	3.6	Đặng Huỳnh Tân Đạt	19/12/2015	Nam	
9	3.6	Nguyễn Dương Bảo Hân	08/11/2015	Nữ	
10	3.6	Nguyễn Thế Trung Hiếu	03/04/2015	Nam	
11	3.6	Lê Đỗ Gia Huệ	06/01/2015	Nữ	
12	3.6	Ngô Minh Huy	12/12/2015	Nam	
13	3.6	Trần Gia Hưng	11/11/2015	Nam	
14	3.6	Phạm Khả Hy	14/10/2015	Nam	
15	3.6	Vũ Khánh	15/08/2015	Nam	
16	3.6	Nguyễn Đăng Khoa	05/04/2015	Nam	
17	3.6	Phan Ngọc Thiên Kim	04/04/2015	Nữ	
18	3.6	Diệp Chi Lam	22/05/2015	Nữ	
19	3.6	Tạ Tuyền Lâm	19/12/2015	Nữ	
20	3.6	Đỗ Gia Linh	17/02/2015	Nữ	
21	3.6	Nguyễn Dương Hoàng Long	10/10/2015	Nam	
22	3.6	Nguyễn Thanh Thảo My	17/02/2015	Nữ	
23	3.6	Lê Trần Khánh Ngân	08/10/2015	Nữ	
24	3.6	Lê Tâm Nghi	07/08/2015	Nữ	
25	3.6	Nguyễn Như Ngọc	22/04/2015	Nữ	
26	3.6	Nguyễn Phúc Bảo Ngọc	11/10/2015	Nữ	
27	3.6	Nguyễn Võ Thanh Ngọc	03/02/2015	Nữ	
28	3.6	Trần Ngọc Thảo Nguyên	13/04/2015	Nữ	
29	3.6	Trần Hải An Nhiên	08/09/2015	Nữ	
30	3.6	Trần Hoàng Uyên Nhi	22/08/2015	Nữ	
31	3.6	Nguyễn Trường Phát	04/05/2015	Nam	
32	3.6	Phùng Trần An Nhiên	17/07/2015	Nữ	
33	3.6	Nguyễn Hoàng Phúc	15/12/2015	Nam	
34	3.6	Phạm Minh Quân	16/05/2015	Nam	
35	3.6	Nguyễn Hoàng Như Quỳnh	27/05/2015	Nữ	
36	3.6	Bùi Đức Tâm	09/11/2015	Nam	
37	3.6	Phạm Hoàng Thành	18/08/2015	Nam	
38	3.6	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/10/2015	Nữ	
39	3.6	Nguyễn Tấn Thọ	09/04/2015	Nam	
40	3.6	Đoàn Ngọc Tiên	04/03/2015	Nữ	
41	3.6	Thạch Nguyễn Anh Tiến	14/09/2015	Nam	
42	3.6	Dương Đỗ Thủy Trang	14/03/2015	Nữ	
43	3.6	Nguyễn Anh Tuấn	15/04/2015	Nam	
44	3.6	Trương Hoàng Bảo Trân	15/12/2015	Nữ	
45	3.6	Nguyễn Ngọc Như Ý	28/07/2015	Nữ	
46	3.6	Lê Gia Bảo	01/06/2015	Nam	
47	3.6	Lương Ngọc Bảo Vy	26/12/2015	Nữ	
48	3.6	Phạm Quang Đức Thanh	23/04/2015	Nam	
49	3.6	Lê Ngọc Ngân Chi	09/05/2015	Nữ	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.7 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Lê Trường Hân

GVBM: Nguyễn Thị Tuyết Phụng

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.7	Phạm Như Khánh An	20/09/2015	Nữ	
2	3.7	Vũ Ngọc Khánh An	11/01/2015	Nữ	
3	3.7	Lê Quỳnh Anh	21/04/2015	Nữ	
4	3.7	Nguyễn Quỳnh Anh	18/10/2015	Nữ	
5	3.7	Nguyễn Thúy Hà Anh	24/10/2015	Nữ	
6	3.7	Nguyễn Trần Minh Anh	05/02/2015	Nữ	
7	3.7	Lâm Thiên Ân	05/11/2015	Nam	
8	3.7	Trương Gia Bảo	19/05/2015	Nam	
9	3.7	Trần Nguyễn Minh Châu	14/12/2015	Nữ	
10	3.7	Lương Lin Đa	03/06/2015	Nữ	
11	3.7	Nguyễn Minh Đạt	27/03/2015	Nam	
12	3.7	Lai Phúc Điền	19/05/2015	Nam	
13	3.7	Trang Lâm Hà	17/11/2015	Nữ	
14	3.7	Lý Gia Hào	24/03/2015	Nam	
15	3.7	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	20/08/2015	Nam	
16	3.7	Lê Minh Hoàng	13/11/2015	Nam	
17	3.7	Phạm Nguyễn Minh Hoàng	28/02/2015	Nam	
18	3.7	Nguyễn Anh Huy	26/11/2015	Nam	
19	3.7	Nguyễn Đức Huy	10/12/2015	Nam	
20	3.7	Đinh Phước Khang	22/01/2015	Nam	
21	3.7	Lê Kim Khánh	06/11/2015	Nữ	
22	3.7	Trần Quang Khoa	27/08/2015	Nam	
23	3.7	Nguyễn Hữu Quốc Khôi	08/01/2015	Nam	
24	3.7	Phạm Minh Khôi	16/11/2015	Nam	
25	3.7	Nguyễn Ngọc Ánh Kim	24/06/2015	Nữ	
26	3.7	Lâm Nhã Kỳ	22/12/2015	Nữ	
27	3.7	Huỳnh Nguyễn Thảo Linh	01/12/2015	Nữ	
28	3.7	Nguyễn Gia Long	08/08/2015	Nam	
29	3.7	Phan Tuấn Minh	10/11/2015	Nam	
30	3.7	Nguyễn Thảo My	24/02/2015	Nữ	
31	3.7	Phạm Khánh My	11/02/2015	Nữ	
32	3.7	Nguyễn Hoàng Nam	30/06/2015	Nam	
33	3.7	Hồ Tuệ Nghi	21/06/2015	Nữ	
34	3.7	Thái Bảo Ngọc	07/12/2015	Nữ	
35	3.7	Trịnh Bảo Ngọc	15/03/2015	Nữ	
36	3.7	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	17/06/2015	Nữ	
37	3.7	Hoàng Hải Phong	20/11/2015	Nam	
38	3.7	Nguyễn Lê Hoàng Phúc	18/12/2015	Nam	
39	3.7	Nguyễn Ngọc Khánh Phương	25/09/2015	Nữ	
40	3.7	Nguyễn Minh Quang	12/07/2015	Nam	
41	3.7	Nguyễn Hoàng Quân	25/08/2015	Nam	
42	3.7	Phạm Nguyễn Đông Quân	28/12/2015	Nam	
43	3.7	Tân Ngọc Thanh Thanh	23/12/2015	Nữ	
44	3.7	Võ Ngọc Vân Thảo	30/01/2015	Nữ	
45	3.7	Lê Hoàng Nhất Thống	25/08/2015	Nam	
46	3.7	Khổng Minh Ngọc Tiên	25/09/2015	Nữ	
47	3.7	Nguyễn Ngọc Hương Trà	07/08/2015	Nữ	
48	3.7	Đoàn Lê Gia Tuệ	29/05/2015	Nữ	
49	3.7	Nguyễn Thành Vũ	11/05/2015	Nam	
50	3.7	Trần Lương Như Ý	10/08/2015	Nữ	
51	3.7	Huỳnh Đình Anh	03/02/2014	Nam	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.8 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Lê Thị Đào

GVB: Hứa Minh Hương

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.8	Ngô Nguyễn Thiên An	31/01/2015	Nữ	
2	3.8	Nguyễn Ngọc Xuân Anh	07/08/2015	Nữ	
3	3.8	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	26/02/2015	Nữ	
4	3.8	Nguyễn Tuấn Anh	02/09/2014	Nam	
5	3.8	Phạm Việt Anh	17/08/2015	Nam	
6	3.8	Võ Bảo Anh	25/01/2015	Nữ	
7	3.8	Dương Xuân Di	28/05/2015	Nữ	
8	3.8	Trần Minh Duy	17/05/2015	Nam	
9	3.8	Nguyễn Hoàng Thủy Dương	12/12/2015	Nữ	
10	3.8	Trần Lê Ngọc Hân	24/09/2015	Nữ	
11	3.8	Võ Ngọc Hân	28/08/2015	Nữ	
12	3.8	Lê Minh Hoàng	01/12/2015	Nam	
13	3.8	Trịnh Quốc Huy	03/02/2015	Nam	
14	3.8	Võ Khánh Hưng	08/04/2015	Nam	
15	3.8	Bùi Bảo Khang	06/06/2015	Nam	
16	3.8	Nguyễn Trương Đăng Khoa	05/03/2015	Nam	
17	3.8	Đặng Đình Khôi	13/10/2015	Nam	
18	3.8	Trần Hà Minh Khuê	09/07/2015	Nữ	
19	3.8	Võ Hoàng Lam	21/12/2015	Nữ	
20	3.8	Lê Phương Linh	16/12/2015	Nữ	
21	3.8	Trần Minh Long	01/01/2015	Nam	
22	3.8	Võ Thiên Minh	20/09/2015	Nam	
23	3.8	Trần Hoàng My	20/10/2015	Nữ	
24	3.8	Nguyễn Phước Nam	19/11/2015	Nam	
25	3.8	Trần Hải Nam	27/03/2015	Nam	
26	3.8	Lê Phương Nghi	03/06/2015	Nữ	
27	3.8	Vũ Khánh Ngọc	27/01/2015	Nữ	
28	3.8	Nguyễn Lê Thiên Ngôn	21/02/2015	Nam	
29	3.8	Thị Lý Nguyên	22/10/2015	Nam	
30	3.8	Nguyễn Trọng Nhân	05/08/2015	Nam	
31	3.8	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	05/05/2015	Nữ	
32	3.8	Ngô Tuệ Như	16/03/2015	Nữ	
33	3.8	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	15/09/2015	Nữ	
34	3.8	Hồ Xuân Phúc	20/08/2015	Nữ	
35	3.8	Trần Bảo Phụng	14/09/2015	Nữ	
36	3.8	Lê Hà Phương	08/09/2015	Nữ	
37	3.8	Trịnh Khánh Phương	16/06/2015	Nữ	
38	3.8	Huỳnh Trí Quang	24/12/2015	Nam	
39	3.8	Trần Ngọc Minh Quân	12/01/2015	Nam	
40	3.8	Trần Ngọc Nguyên Thảo	23/04/2015	Nữ	
41	3.8	Huỳnh Minh Thông	19/08/2015	Nam	
42	3.8	Nguyễn Tổng Anh Thư	25/02/2015	Nữ	
43	3.8	Nguyễn Ngọc Trâm	03/07/2015	Nữ	
44	3.8	Phan Nguyễn Thanh Trúc	24/09/2015	Nữ	
45	3.8	Nguyễn Quốc Tuấn	14/08/2014	Nam	
46	3.8	Nguyễn Đình Tùng	29/11/2015	Nam	
47	3.8	Nguyễn Thế Vinh	19/11/2015	Nam	
48	3.8	Trương Ngọc Tường Vy	02/06/2015	Nữ	
49	3.8	Huỳnh Thị Hải Yến	16/05/2015	Nữ	
50	3.8	Trần Hoàng Yến	14/09/2015	Nữ	
51	3.8	Trần Minh Kha	13/05/2015	Nam	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 3.9 - NĂM HỌC 2023-2024

GVCN: Trần Thị Thu Hoài

GVBM: Lâm Mỹ Linh

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	3.9	Đinh Gia Chỉ An	20/07/2015	Nữ	
2	3.9	Hà Duyên Thịnh An	19/09/2015	Nam	
3	3.9	Doãn Minh Anh	13/02/2015	Nữ	
4	3.9	Đỗ Diệp Anh	05/03/2015	Nữ	
5	3.9	Nguyễn Lâm Anh	21/04/2015	Nữ	
6	3.9	Trần Nguyễn Thu Bình	09/09/2015	Nữ	
7	3.9	Nguyễn Đỗ Cách Cách	31/05/2015	Nữ	
8	3.9	Lê Ngọc Minh Châu	08/06/2015	Nữ	
9	3.9	Phan Han Gi Chi	10/05/2014	Nữ	
10	3.9	Nguyễn Văn Quyết Chiến	23/11/2015	Nam	
11	3.9	Nguyễn Ngọc Diệp	01/05/2015	Nữ	
12	3.9	Trịnh Tiến Dũng	25/04/2015	Nam	
13	3.9	Nguyễn Đỗ Đình Đình	31/05/2015	Nữ	
14	3.9	Trần Vĩnh Hào	16/03/2015	Nam	
15	3.9	Châu Gia Hân	04/06/2015	Nữ	
16	3.9	Nguyễn Huy Hoàng	29/08/2015	Nam	
17	3.9	Nguyễn Trần Anh Hùng	11/08/2015	Nam	
18	3.9	Bùi Minh Huy	30/09/2015	Nam	
19	3.9	Phạm Minh Khang	03/11/2015	Nam	
20	3.9	Võ Nguyên Khang	26/02/2015	Nam	
21	3.9	Nguyễn Gia Khánh	24/04/2015	Nam	
22	3.9	Hồ Nguyễn Đăng Khôi	12/09/2015	Nam	
23	3.9	Nguyễn Trung Kiên	17/03/2015	Nam	
24	3.9	Nguyễn Phúc Lâm	05/01/2015	Nam	
25	3.9	Lê Huỳnh Minh Long	14/07/2015	Nam	
26	3.9	Đào Trần Hà My	15/04/2015	Nữ	
27	3.9	Nguyễn Nam	10/02/2015	Nam	
28	3.9	Huỳnh Ngọc Kiều Ngân	25/11/2015	Nữ	
29	3.9	Lê Phương Nghi	08/05/2015	Nam	
30	3.9	Hoàng Thị Bảo Ngọc	01/10/2015	Nữ	
31	3.9	Lê Đặng Bảo Ngọc	31/10/2015	Nữ	
32	3.9	Bùi Trọng Nhân	13/10/2015	Nam	
33	3.9	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	09/10/2015	Nữ	
34	3.9	Bùi Gia Phú	20/12/2015	Nam	
35	3.9	Ngô Đức Phú	29/06/2015	Nam	
36	3.9	Nguyễn Hà Đông Phương	19/06/2015	Nữ	
37	3.9	Diệp Minh Quân	10/06/2015	Nam	
38	3.9	Mai Anh Quân	30/10/2015	Nam	
39	3.9	Nguyễn Đức Tài	13/03/2015	Nam	
40	3.9	Đỗ Nguyên Thảo	12/10/2015	Nữ	
41	3.9	Nguyễn Chí Thiện	30/07/2015	Nam	
42	3.9	Lưu Tâm Thịnh	28/07/2015	Nam	
43	3.9	Trương Huỳnh Anh Thư	23/10/2015	Nữ	
44	3.9	Trần Khánh Tiên	09/12/2015	Nữ	
45	3.9	Võ Ngọc Huỳnh Trâm	17/11/2015	Nữ	
46	3.9	Trần Anh Tú	12/10/2015	Nam	
47	3.9	Lý Quang Vinh	08/02/2015	Nam	
48	3.9	Lâm Thiên Ý	13/05/2015	Nữ	
49	3.9	Đỗ Duy Anh	16/06/2015	Nam	
50	3.9	Lương Ngọc Minh Giang	11/09/2015	Nữ	
51	3.9	Nguyễn Hải Đăng	17/05/2015	Nam	